TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ - PT
Ngày 24-7-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Dung

2. Bà Lê Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:***

Bà Cù Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Hải Y, sinh năm 1993

Trú tại: Số nhà 32, khu phố 8, phường S, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A , sinh năm 1991.

Trú tại: Số nhà 39, Đường T , khu phố 5, phường S, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, bản tự khai ngày 12 tháng 2 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Hải Y trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ban đầu do mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng. Anh Tuấn A đưa thẻ lương cho chị giữ, mẹ chồng không đồng ý, đòi lại thẻ lương và thường xuyên lăng mạ sỉ nhục chị, chê bai gia đình chị, đòi chị phải mang tiền đi Nhật về. Từ đó, anh Tuấn A thường xuyên đánh đập, sỉ nhục chị trong suốt thời gian mang thai và khi sinh con. Khi con chưa được 15 ngày thì anh lại tiếp tục đánh chị. Khi con được 1 tháng tuổi, gia đình đã đưa chị và con về bên ngoại chơi và chị ở bên ngoại từ đó đến nay. Việc chị về bên ngoại có sự nhất trí của nhà chồng, nhưng sau khi chị về lại nhà chồng thì nhà chồng không đồng ý cho chị quay lại. Từ tháng 2 âm lịch (là tháng 3/2018 dương lịch) đến nay, anh Tuấn A không chu cấp tiền nuôi con. Do khó khăn trong quá trình nuôi con (mỗi tháng phải mất khoảng 7 triệu tiền thuê người, sữa bỉm) nên chị đã bán số vàng khi cưới hai bên gia đình cho để nuôi con. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A .

Về con: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 27/2/2018, chị đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh Tuấn A đóng góp nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Theo chị Y khai vợ chồng tôi có mấy chỉ vàng khi chị về bên ngoại đã bán để nuôi con. Ngoài ra không có tài sản nào khác. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị Y trình bày trên là đúng. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống giữa chị Y với anh và với mẹ chồng anh nên anh không thể chấp nhận được. Chị Y xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con: Anh đồng ý số con và họ tên, năm sinh của con chung như chị Y trình bày trên. Anh đồng ý giao cháu D cho chị Y nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng anh chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu đến tuổi thành niên.

Về phần tài sản: Trước đây anh đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là số vàng khi cưới hai bên gia đình trao cho vợ chồng (nhà trai trao 2,4 cây, nhà gái trao 1,5) cây. Hiện nay, chị Y đã mang toàn bộ số vàng về nhà ngoại. Tại buổi hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2019, anh Tuấn A và chị Y thừa nhận số vàng

là 2,3 cây của bên nội cho chị Y đã mang về bên ngoại bán để nuôi con. Anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để cho cháu D.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Tuấn A có đơn đề nghị Tòa án xem xét số vàng này anh đã cho chị Y rồi, thì Tòa án xem xét giảm bớt tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn đã quyết định:

1. Áp dụng: Khoản 1 điều 28 và khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 51,56;81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mục 1.1 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Hải Y và anh Nguyễn Tuấn A.

- Về con: Giao cháu Nguyễn Anh D; sinh ngày 27/2/2018, cho chị Mai Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh Nguyễn Tuấn A đóng góp nuôi cháu D mỗi tháng là 1.700.000đ, khoản đóng góp được tính từ ngày (01/05/2019) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh Tuấn A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, chị Y không được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và việc đóng góp nuôi con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24/4/2019, anh Nguyễn Tuấn A có đơn kháng cáo đề nghị giảm tiền cấp dưỡng nuôi con từ 1.700.000đ/tháng xuống 1.000.000đ/tháng.

Ngày 02/5/2019, chị Mai Thị Hải Y có đơn kháng cáo đề nghị tăng tiền cấp dưỡng nuôi con từ 1.700.000đ/tháng lên 2.000.000đ/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các đương sự không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tuấn A và chị Mai Thị Hải Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của anh Tuấn A và chị Y: Anh Tuấn A xin giảm mức cấp dưỡng, chị Y xin tăng mức cấp dưỡng. Tại cấp phúc thẩm anh Tuấn A xuất trình các chứng cứ mới về việc mẹ đẻ anh ốm anh phải lo cho mẹ anh; chị Y xuất trình các chứng cứ cháu D ốm phải chi phí tiền thuốc men, tiền bỉm sữa và thuê người chăm sóc cháu. Thực tế anh Tuấn A và chị Y đều đang còn trẻ, có sức khỏe, có việc làm và thu nhập ổn định. Thu nhập hiện nay của anh Tuấn A khoảng 10 triệu/tháng nên việc anh yêu cầu giảm mức cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Y khẳng định có khả năng nuôi con, có thu nhập ổn định, ngoài ra còn làm thêm và mức cấp dưỡng nuôi con Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp nên không chấp nhận việc chị Y đề nghị tăng mức cấp dưỡng.

Từ những phân tích trên không chấp nhận kháng cáo của anh Tuấn A và chị Y về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với việc anh Tuấn A kháng cáo đề nghị xem xét phân chia số vàng vợ chồng có được trong ngày cưới. Xét thấy tại cấp sơ thẩm anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét; căn cứ Điều 293 BLTTDS.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí DSPT:Vì kháng cáo không được chấp nhận nên anh Tuấn A và chị Y phải chịu án phí phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***** Căn cứ vào Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Mai Thị Hải Y và anh Nguyễn Tuấn A về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn.

Xử:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Hải Y và anh Nguyễn Tuấn A .

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 27/02/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tuấn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Y mỗi tháng 1.700.000đ, kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh Tuấn A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Mai Thị Hải Y mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tuấn A và chị Y mỗi người đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 882 ngày 26/4/2019 và biên lai thu số 884 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn (Anh Tuấn A và chị Y đã nộp đủ tiền án phí DSPT).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND thị xã Bỉm Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Bỉm Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hương Lê Thị Dung **Lê Thị Thủy**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy